

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672001 - Hình họa – Vẽ kỹ thuật cơ bản

STC : 2(30,0,0,0,0,0)

Lần thi : 2

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Châu Minh	Ngọc	3471010225	05/12/1992	,00	,00	,00	CT
2	Huỳnh Văn	Luận	3771020705	19/05/1995	8,10	5,10	6,00	
3	Lê Trung	Phong	3771020709	27/03/1995	3,20	4,90	4,40	
4	Trần Huy	Hùng	3771020715	10/04/1995	5,70	5,10	5,30	
5	Lê Quốc	Việt	3771020730	05/11/1995	8,60	6,80	7,30	
6	Nguyễn Thị Thu	Hiền	3771020737	29/06/1995	,00	,00	,00	CT
7	Võ Quyền	Linh	3771020746	02/02/1994	8,50	3,80	5,20	
8	Phạm Văn	Thế	3771020748	01/04/1989	3,30	6,40	5,50	
9	Nguyễn Hoàng	Duy	3771020762	04/06/1995	,00	,00	,00	CT
10	Thuận Văn	Tiếp	3771020767	15/05/1993	5,80	1,70	2,90	
11	Lê Minh	Thà	3771020772	02/03/1991	,00	,00	,00	CT
12	Đào Duy	Lâm	3771020776	20/06/1995	8,70	5,40	6,40	
13	Trần Quang	Ngọc	3771020792	10/03/1995	6,60	4,20	4,90	
14	Lê Tuấn	Phương	3771020800	25/10/1995	,00	,00	,00	CT
15	Đỗ Thành	Tài	3771020801	18/09/1995	,00	,00	,00	CT
16	Lê Nhật	Quang	3771020804	12/02/1995	7,50	4,20	5,20	
17	Lê Duy	Khánh	3771020807	23/05/1994	7,00	5,50	6,00	
18	Nguyễn Duy	Cường	3771020810	10/02/1995	6,50	6,30	6,40	
19	Bùi Hữu	Tân	3771020831	13/04/1995	4,60	5,00	4,90	
20	Trần Hường	Phước	3771021087	26/03/1994	,00	,00	,00	CT
21	Nguyễn Văn	Tư	3771021100	25/05/1995	5,00	4,60	4,70	
22	Nguyễn Ngọc	Luận	3771021191	20/01/1994	7,40	4,70	5,50	
23	Trần Văn	Lợi	3771021211	04/10/1994	6,90	4,00	4,90	
24	Võ Duy	Tân	3771021228	10/01/1995	7,80	6,00	6,50	
25	Hoàng Văn	Nam	3771021250	04/11/1992	,00	,00	,00	CT
26	Phan Thanh	Đăng	3771021304	28/08/1995	6,90	6,60	6,70	
27	Võ Minh	Tân	3771021347	25/05/1995	3,10	6,20	5,30	
28	Lê Văn	Hậu	3771021381	05/03/1995	6,90	5,20	5,70	
29	Phạm Hữu	Hây	3771021404	09/09/1995	7,70	6,00	6,50	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 04 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)